



□□□□?

# NGUỒN GỐC VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CON NGƯỜI

## LỜI NÓI ĐẦU

### TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Tại sao lại phải nghiên cứu về phạm trù con người và vấn đề về con người trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong khi thế giới đã trải qua hai cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật vĩ đại và trên thế giới đã có rất nhiều, rất nhiều nước đã trở thành những nước công nghiệp lớn. Phải chăng đó là vì công nghiệp hoá, hiện đại hoá là phương thức duy nhất để phát triển nền kinh tế thế giới và bất kỳ một quốc gia nào bỏ qua quá trình này đều sẽ trở nên quá chậm, quá lạc hậu so với bước đi của thế giới? Và phải chăng giống như các quốc gia khác, Việt Nam cũng không nằm ngoài quy luật chung đó? Nhưng quan trọng hơn cả, phải chăng con người là chủ thể, là mấu chốt, là điểm khởi đầu cũng như là cái đích của quá trình lâu dài này?

***Đúng là trên thực tế ở nhiều quốc gia công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã tạo ra nhiều thành tựu khoa học không thể phủ nhận được.*** Chẳng hạn việc sử dụng năng lượng nguyên tử, năng lượng mặt trời đã làm giảm sự phụ thuộc của con người vào nguồn năng lượng khoáng sản; sự ra đời của các vật liệu tổng hợp không những giúp con người giảm phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên không tái sinh được mà cung cấp cho con người nguồn vật liệu mới có tính năng ưu việt hơn và tái sinh được. Nhờ phát minh con người sử dụng nguồn vật liệu mới này mà con người đã có thể thu nhỏ máy tính điện tử xuống hàng vạn lần về thể tích đồng thời tăng hiệu năng của nó lên hàng chục vạn lần so với ba chục năm trước. Sự ra đời và xuất hiện các loại vật liệu mới đang ngày càng trở thành nhân tố vô cùng quan trọng của sự phát triển sức sản xuất xã hội và tiến bộ khoa học công nghệ. Cùng với quá trình tự động hoá, tiến bộ khoa học công nghệ cho thấy khả năng loài người sẽ tiến tới một xã hội của cải tuôn ra rào rạt.

#### ***Còn ở Việt Nam thì sao?***

Cho đến nay, Việt Nam vẫn thuộc loại những nước nghèo nhất thế giới, nền kinh tế vẫn ở tình trạng lạc hậu, còn mang tính chất tự cấp, tự túc, đất nước chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế xã hội, lạm phát còn ở mức cao, sản xuất chưa ổn định, tình hình mất cân đối vẫn nghiêm trọng, bội chi ngân sách còn lớn, tốc độ tăng dân số cao, lao động thất nghiệp

hoặc không đủ việc làm ngày càng tăng (7% dân số thành thị thất nghiệp), đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn; tổng sản phẩm quốc dân (GDP) tính theo đầu người thuộc loại thấp nhất thế giới: 220\$ (tại thời điểm tháng 9 năm 1993), thấp hơn Lào, Bangladesh, chỉ bằng 1/9 của Thái Lan, bằng 1/4 của Malaysia, 1/45 của Đài Loan; tốc độ tăng bình quân chậm hơn nhiều nước trong khu vực. Gắn liền với nền kinh tế đó là lối làm ăn tản mạn và tùy tiện của sản xuất nhỏ. Cùng với những truyền thống tốt đẹp mà chúng ta đang kế thừa cũng có những truyền thống lạc hậu của người đã chết đang đè nặng lên vai người đang sống... Vì vậy muốn không bị tụt hậu xa hơn nữa, muốn ổn định mọi mặt để đi lên và phát triển thì tất yếu phải thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Hội nghị lần thứ VI Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt Nam khoá VII (từ 24/11/1993 đến 1/12/1993) và Đại hội đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (20-25/1/1994) đã xác định tới đây nước ta “chuyển dần sang một thời kỳ phát triển mới, đẩy tới một bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nhằm tạo thêm nhiều công ăn việc làm, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, cải thiện hơn nữa đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Đây là nhiệm vụ trung tâm có tầm quan trọng hàng đầu trong thời gian tới.” Song dựa vào đâu để đảm bảo việc thực hiện nó cho thật hiệu quả và không phải trả giá quá đắt thì lại không dễ dàng; bởi vì từ chỗ thấy được tính tất yếu nếu không cẩn thận lại dễ sa vào duy ý chí như đã từng xảy ra trước đây hoặc trái lại nếu chỉ thấy khó khăn, bất lợi, thiếu điều kiện rồi cam chịu tụt hậu thì lại là một tai họa. Như vậy cũng có nghĩa là chúng ta đã để lại cho thế hệ tương lai một cái gánh quá nặng và sẽ có tội rất lớn đối với những ai đã hy sinh xương máu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc bảo vệ đất nước.

***Nhưng nếu chỉ có như vậy thì tại sao lại phải đề cập đến vấn đề con người? Liệu có phải con người đang giữ một vai trò gì đó trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, và hơn thế nữa phải chăng đó là một vai trò quan trọng, quyết định sự thành bại của sự nghiệp đổi mới này?***

Trước hết có thể nói rằng xã hội loài người tồn tại và phát triển dựa vào hai nguồn tài nguyên là: thiên nhiên và con người. Cái quý nhất trong nguồn tài nguyên con người là trí tuệ. Theo quan niệm cổ điển, mọi nguồn tài nguyên thiên nhiên đều có hạn và đều có thể bị khai thác cạn kiệt. Song, sự hiểu biết của con người đã, đang và sẽ không bao giờ chịu dừng lại, nghĩa là nguồn tài nguyên trí tuệ không có giới hạn. Tính vô tận của nguồn tiềm năng trí tuệ là nền tảng để con người nhận thức tính vô tận

của thế giới vật chất, tiếp tục nghiên cứu những nguồn tài nguyên thiên nhiên còn vô tận nhưng chưa được khai thác và sử dụng, phát hiện ra những tính năng mới của những dạng tài nguyên đang sử dụng hoặc sáng tạo ra những nguồn tài nguyên mới vốn không có sẵn trong tự nhiên, nhằm phục vụ cho sự phát triển của xã hội trong những điều kiện mới. Bởi vậy có thể nói, trí tuệ con người là nguồn lực vô tận của sự phát triển xã hội.

Đồng thời, nguồn lực phát triển của xã hội, trước hết và quan trọng hơn cả cũng chính là con người- nguồn tiềm năng sức lao động. Con người đã làm nên lịch sử của chính mình bằng lao động được định hướng bởi trí tuệ đó. Ta đã biết rằng, “tất cả cái gì thúc đẩy con người hoạt động đều tất nhiên phải thông qua đầu óc của họ”<sup>(1)</sup>, tức là phải thông qua trí tuệ của họ. Trước tiên, những nhu cầu về sinh tồn đã thúc đẩy con người hoạt động theo bản năng như bất kỳ một động vật nào khác. Nhưng rồi “bản thân con người bắt đầu tự phân biệt với súc vật ngay khi con người bắt đầu sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt của mình- đó là một bước tiến do tổ chức cơ thể của con người quy định”<sup>(2)</sup>. Sự khác biệt căn bản về mặt “tổ chức cơ thể” giữa con người và con vật chính là bộ óc và đôi bàn tay. Bộ óc điều khiển đôi bàn tay, nghĩa là bằng trí tuệ (bộ óc) và lao động (đôi bàn tay) con người đã tiến hành hoạt động biến đổi tự nhiên làm nên lịch sử xã hội, đồng thời trong quá trình đó đã biến đổi cả bản thân mình.

Cho đến khi lực lượng sản xuất phát triển, đánh dấu bởi những phát minh khoa học, những công nghệ hiện đại thì trí tuệ con người vẫn có sức mạnh áp đảo. Những tư duy máy móc, trí tuệ nhân tạo... dù rộng lớn đến đâu, dù dưới hình thức hoàn hảo nhất cũng chỉ là một mảnh vụn nhỏ, một sự phản ánh rất tinh tế thế giới nội tại của con người, chỉ là kết quả của quá trình phát triển khoa học kinh tế, của hoạt động trí tuệ của con người. Mọi máy móc dù hoàn thiện, dù thông minh đến đâu cũng chỉ là kẻ trung gian cho hoạt động của con người. Do đó con người luôn luôn đã và vẫn là chủ thể duy nhất của mọi hoạt động trong xã hội.

Thực tiễn ngày nay càng khẳng định tính đúng đắn trong quan niệm của Mác về vị trí vai trò không gì thay thế được của con người trong tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại, của xã hội loài người. Bản thân sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá mà chúng ta đang từng bước thực hiện với những thành công bước đầu của nó cũng ngày càng đòi hỏi mỗi chúng ta phải nhận thức sâu sắc “những giá trị lớn lao và ý nghĩa quyết

định của nhân tố con người”, thấy rõ vai trò của con người trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội trên thực tế và trong quan niệm của mỗi chúng ta, con người ngày càng thể hiện rõ vai trò là “chủ thể của mọi sáng tạo, mọi nguồn của cải vật chất và văn hoá, mọi nền văn minh của các quốc gia”<sup>(3)</sup>. Bởi vậy để đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng XHCN và đưa sự nghiệp cách mạng lớn lao đó đến thành công ở một nước vẫn còn trong tình trạng lạc hậu như nước ta, chúng ta không thể không phát triển con người Việt Nam, nâng cao đội ngũ những người lao động nước ta lên một tầm cao chất lượng mới. Nhận định này đã được khẳng định trong nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng: “Nâng cao dân trí, bồi dưỡng và phát huy nguồn lực to lớn của con người Việt Nam là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá”.

Một lần nữa ta có thể khẳng định tính cấp thiết và ý nghĩa quan trọng của việc nghiên cứu đề tài này. Qua đó, triết học tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò của mình trong đời sống xã hội và trong công cuộc đổi mới đất nước. Sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta được tiến hành như thế nào, quy mô và nhịp độ của nó ra sao, điều đó một phần tùy thuộc vào sự đóng góp của triết học.

## CHƯƠNG I

### NGUỒN GỐC VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN

#### I. BẢN CHẤT CON NGƯỜI

Con người là sinh vật có tính xã hội. Đối với Mác “con người không phải là một tồn tại trừu tượng, ẩn náu đâu đó ngoài thế giới”<sup>(4)</sup>. Đó là những con người sống trong một thời đại nhất định, một môi trường xã hội nhất định, có những quan hệ xã hội phong phú, phức tạp và ngày càng phong phú với sự phát triển của văn minh.

Các Mác viết “Bản chất con người không phải là một cái trừu tượng cố hữu cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà những quan hệ xã hội”<sup>(5)</sup>. Qua luận đề nổi tiếng đó, chúng ta thấy Mác muốn nói bản chất con người, một sự trừu tượng khoa học, là sự khái quát từ đời sống cụ thể, từ thuộc tính của con người hiện thực, thể hệ này qua thể hệ khác, bản chất con người được thể hiện và chỉ có thể được thể hiện thông qua tổng thể các quan hệ xã hội. Muốn tìm bản chất con người thì phải tìm ở bên trong chứ không phải ở bên ngoài đời sống hiện thực của con người. Luận đề của Mác không làm mất đi tính cá nhân, khẳng định sự kỳ diệu, sự phong phú vô hạn của tính cách con người. Nếu đứng trên quan điểm sinh vật học mà xét thì không thể hiểu được chẳng những thực chất của con người, mà ngay cả ý nghĩa của cơ thể con người, từ khi quá trình nguồn gốc loài người kết thúc thì những biến đổi trong cơ thể đều được hướng dẫn bởi ảnh hưởng quyết định của văn hoá: khả năng đối xử có tính người đối với thế giới và đối với những người khác, khả năng lao động, giao tiếp với những người chung quanh, khả năng tư duy, có những tình cảm đạo đức và những xúc cảm thẩm mỹ, tất cả những cái đó đều không phải là đặc tính của cơ thể mà là những nét đã hình thành trong quá trình thực tiễn lịch sử xã hội, tiêu biểu cho thực chất của con người trong cách biểu hiện và bộc lộ cá thể của nó. Những nét ấy được hình thành nhờ chỗ con người tham gia vào hệ thống các quan hệ xã hội, vào quá trình hoạt động lao động, đi liền với sự tham gia của con người vào quá trình nắm vững và tái tạo nền văn hoá xã hội (lao động, hoạt động). Chính trong quá trình này con người đã tự sáng tạo ra bản thân mình một cách lịch sử và không ngừng tái hiện bản thân

mình, tự giáo dục bản thân với tư cách là con người. Tiêu chuẩn lịch sử cho phép người ta phân biệt con người- đó là sản xuất ra công cụ lao động cũng bằng chính công cụ. Đồng thời tiền đề tuyệt đối và điều kiện của văn hoá con người là giới tự nhiên mà con người dùng để xây dựng nền văn hoá của mình bằng cách chinh phục tự nhiên một cách sáng tạo. Con người xã hội là kẻ sáng tạo ra lịch sử, sáng tạo ra bản thân mình. Chính vì vậy, con người hoàn toàn mang tính xã hội.

Vậy thì trong đời sống xã hội con người có vai trò gì?

## **II . VAI TRÒ CỦA CON NGƯỜI TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI, ĐẶC BIỆT TRONG QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT XÃ HỘI**

Hơn một trăm năm trước, khi khẳng định tiến trình phát triển lịch sử của xã hội loài người là sự thay thế lẫn nhau của các hình thái kinh tế xã hội, Các Mác đã nói tới việc lấy sự phát triển toàn diện của con người làm thước đo chung cho sự phát triển xã hội. Các Mác cho rằng, xu hướng chung của tiến trình phát triển lịch sử được quy định bởi sự phát triển của lực lượng sản xuất bao gồm con người và những công cụ lao động do con người tạo ra. Sự phát triển của lực lượng sản xuất tự nó đã nói lên trình độ phát triển của xã hội qua việc con người chiếm lĩnh và sử dụng ngày càng nhiều lực lượng tự nhiên với tư cách là cơ sở vật chất cho hoạt động sống của chính con người. Chúng ta biết rằng sản xuất là quá trình hoạt động thực tiễn cơ bản của con người nhằm thoả mãn những nhu cầu của mình. Sản xuất quyết định nhu cầu nhưng không có nhu cầu thì cũng không có sản xuất. Nhu cầu của con người tăng lên không ngừng, do đó mà con người luôn luôn phát triển sản xuất vì muốn nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của sản xuất, giảm nhẹ lao động. Vì vậy có thể nói, trong quá trình hoạt động, trước hết và quan trọng hơn cả là hoạt động lao động sản xuất, bộ óc và bàn tay con người không ngừng hoàn thiện. Sự hoàn thiện của bộ óc là cơ sở, là nguồn vật chất vô tận cho những hoạt động ngày càng phức tạp, tinh vi, đa dạng, phong phú của con người, đưa đến sự thay đổi liên tục cơ sở vật chất và kỹ thuật của xã hội. Sự phát triển hoàn thiện không ngừng của trí tuệ con người đã được thể hiện bằng việc truyền đạt, tàng trữ những tri thức lý luận và kinh nghiệm từ thế hệ này sang thế hệ khác và được ghi nhận nhân cách cụ thể, trước hết ở sự biến đổi của công cụ sản xuất. Hay nói cách khác, sức mạnh trí tuệ con người không ngừng được vật thể hoá trong công cụ sản xuất, trong lực lượng sản xuất nói chung. Tính vô tận của trí tuệ con người được biểu hiện ở sự biến đổi không ngừng ở tính đa dạng, phong phú vô cùng tận của công cụ sản xuất trong quá trình phát triển của xã hội.

Những cuộc cách mạng lực lượng sản xuất đã và đang diễn ra trong lịch sử xã hội loài người là những nấc thang đánh dấu sự phát triển ngày càng cao hơn của công cụ sản xuất: từ lửa đến công cụ sản xuất thủ công, rồi công cụ cơ khí máy móc và công nghệ trí tuệ ngày nay.. Tất cả những điều đó chứng tỏ rằng con người với bàn tay và khối óc của mình là nhân tố thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Nhưng bên cạnh vai trò con người là chủ thể của hoạt động sản xuất, là yếu tố hàng đầu đóng vai trò quyết định trong lực lượng sản xuất của xã hội, con người còn là chủ thể hoạt động của quá trình lịch sử. Thông qua hoạt động sản xuất vật chất, cc sáng tạo ra lịch sử của chính mình, sáng tạo ra lịch sử của xã hội loài người. Kết quả là xã hội loài người đã bước từ thời đại văn minh này sang thời đại văn minh khác cao hơn, trong quá trình lịch sử tự nhiên.

Mặt khác khi sản xuất ngày càng phát triển, tính chất xã hội hóa của sản xuất ngày càng gia tăng, việc tiến hành sản xuất tập thể bằng lực lượng của toàn xã hội và sự phát triển mới của nền sản xuất do việc đó mang lại sẽ cần đến những con người hoàn toàn mới. Các Mác đã khẳng định: sự phát triển của lực lượng sản xuất xã hội trước hết có ý nghĩa là “sự phát triển phong phú của bản chất con người, coi như là một mục đích tự thân”<sup>(6)</sup>. Bởi vậy theo Các Mác, ý nghĩa lịch sử, mục đích cao cả của sự phát triển xã hội là phát triển con người toàn diện, nâng cao năng lực và phẩm giá của con người, giải phóng con người, loại trừ ra khỏi cuộc sống con người mọi sự tha hoá để con người sống với cuộc sống đích thực của mình.

Thực tế đã chứng minh, trong công cuộc đổi mới đất nước, chỉ có con người-yếu tố quan trọng nhất trong lực lượng sản xuất của xã hội mới là nhân tố chính, là nguồn lực mang tính quyết định sự thành công hay thất bại. Nhưng con người cũng là mục tiêu, là cái đích của sự phát triển, sự đổi mới này. Hay nói cách khác, công cuộc đổi mới đất nước mà cụ thể là công nghiệp hoá, hiện đại hoá là do con người, phụ thuộc vào con người và vì con người.



## CHƯƠNG II

### VẤN ĐỀ CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ Ở VIỆT NAM

#### I. CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ LÀ GÌ ?

***Từ trước tới nay, có nhiều định nghĩa khác nhau về công nghiệp hoá. Vậy nên hiểu phạm trù này như thế nào?***

Quan niệm đơn giản nhất về công nghiệp hoá cho rằng “ công nghiệp hoá là đưa đặc tính công nghiệp cho một hoạt động, trang bị ( cho một vùng, một nước), các nhà máy, các loại công nghiệp...” Quan niệm mang tính triết tự này được hình thành trên cơ sở khái quát quá trình hình thành lịch sử công nghiệp hoá ở các nước Tây Âu, Bắc Mỹ.

Nghiên cứu định nghĩa phạm trù công nghiệp hoá của các nhà kinh tế Liên Xô (cũ) ta thấy trong cuốn giáo khoa kinh tế chính trị của Liên Xô được dịch sang tiếng Việt Nam 1958, người ta đã định nghĩa “ công nghiệp hoá XHCN là phát triển đại công nghiệp, trước hết là công nghiệp nặng, sự phát triển ấy cần thiết cho việc cải tạo toàn bộ nền kinh tế quốc dân trên cơ sở kỹ thuật tiên tiến.”

Quan điểm công nghiệp hoá là quá trình xây dựng và phát triển đại công nghiệp, trước hết là công nghiệp nặng của các nhà kinh tế học Liên Xô đã được chúng ta tiếp nhận thiếu sự phân tích khoa học đối với điều kiện cụ thể của nước ta. Cuốn “ Từ điển tiếng Việt” đã giải thích công nghiệp hoá là quá trình xây dựng nền sản xuất cơ khí lớn trong tất cả các ngành của nền kinh tế quốc dân và đặc biệt công nghiệp nặng, dẫn tới sự tăng nhanh trình độ trang bị kỹ thuật cho lao động và nâng cao năng suất lao động. Trên thực tế, quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước những năm 60, ta đã mắc phải sai lầm đó, kết quả là nền kinh tế vẫn không thoát khỏi nền công nghiệp lạc hậu, nông nghiệp lạc hậu, kết cấu hạ tầng yếu kém... Mặc dù không đạt được mục tiêu nhưng cũng chính nhờ công nghiệp hoá mà nước ta đã xây dựng được một số cơ sở vật chất kỹ thuật nhất định, tạo ra tiềm lực về kinh tế-quốc phòng, phục vụ chiến tranh, đảm bảo được phần nào đời sống nhân dân.

Năm 1963, tổ chức phát triển công nghiệp của Liên hiệp quốc ( UNIDO) đã đưa ra một định nghĩa: “ công nghiệp hoá là một quá trình phát triển kinh tế, trong quá trình này, một bộ phận ngày càng tăng các nguồn của cải quốc dân được động viên để phát triển cơ cấu kinh tế

nhiều ngành ở trong nước với kỹ thuật hiện đại. Đặc điểm của cơ cấu kinh tế này là có một bộ phận luôn thay đổi để sản xuất ra tư liệu sản xuất, hàng tiêu dùng và có khả năng đảm bảo cho toàn bộ nền kinh tế phát triển với nhịp độ cao, đảm bảo đạt tới sự tiến bộ của nền kinh tế và xã hội.” Theo quan điểm này, quá trình công nghiệp hoá nhằm thực hiện nhiều mục tiêu chứ không phải chỉ nhằm một mục tiêu kinh tế-kỹ thuật.

*Còn theo quan niệm mới phù hợp với điều kiện nước ta* thì công nghiệp hoá, hiện đại hoá là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn liền với đổi mới công nghệ, xây dựng cơ cấu vật chất-kỹ thuật, là quá trình chuyển nền sản xuất xã hội từ trình độ công nghệ thấp sang trình độ công nghệ cao hơn, nhờ đó mà tạo ra sự tăng trưởng bền vững và có hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

*Nói tóm lại đó là sự phát triển của lực lượng sản xuất từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện.* Thực hiện công nghiệp hoá là nhằm phát triển kinh tế-xã hội, đưa nước ta theo kịp các nước tiên tiến trên thế giới.

## **II. MUỐN TIẾN HÀNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ TA PHẢI LÀM GÌ?**

Sự thành công của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đòi hỏi ngoài môi trường chính trị Ổn định, phải có các nguồn lực cần thiết như: nguồn lực con người, vốn, tài nguyên thiên nhiên, cơ sở vật chất kỹ thuật, vị trí địa lý, nguồn lực nước ngoài. Các nguồn lực này có quan hệ chặt chẽ với nhau, cùng tham gia vào quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhưng mức độ tác động và vai trò của chúng đối với toàn bộ quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá không giống nhau, trong đó nguồn lực con người là yếu tố quyết định.

Vai trò của nguồn lực con người quan trọng như thế nào đã được chứng minh trong lịch sử kinh tế của những nước tư bản phát triển như Nhật Bản, Mỹ,... nhiều nhà kinh doanh nước ngoài khi đến tham quan Nhật Bản thường chỉ chú ý đến kỹ thuật, máy móc và coi đó là nguyên nhân tạo nên “kỳ tích Nhật Bản”. Nhưng họ đã nhầm, chính người Nhật Bản cũng không quan niệm như vậy. Người Nhật cho rằng kỹ thuật và công nghệ có vai trò rất to lớn nhưng không phải là yếu tố quyết định nhất. Yếu tố quyết định nhất dẫn đến thành công của họ là con người. Cho nên họ đã tập trung cao độ và có những chính sách độc đáo phát triển yếu tố con người.

Ngày nay đối với những nước lạc hậu đi sau, không thể phát triển nhanh chóng nếu không tiếp thu những tiến bộ khoa học-kỹ thuật và công nghệ hiện đại của các nước phát triển. Nhưng không phải cứ nhập công nghệ tiên tiến bằng mọi giá mà không cần tính đến yếu tố con người. Cần nhớ rằng, công nghệ tiên tiến của nước ngoài khi được tiếp thu sẽ phát huy tác dụng tốt hay bị lãng phí, thậm chí bị phá hoại là hoàn toàn phụ thuộc vào yếu tố con người khi sử dụng chúng. Nhiều công ty chỉ chú ý đổi mới kỹ thuật và công nghệ nhưng vì không chú ý đến yếu tố con người nên đều thất bại. Ông Victor S.L.Tan, giám đốc của Ohostate University đã viết: “Điều mả mai lớn nhất còn là ở chỗ, trong có nhiều công ty đã cố thực hiện đổi mới, nhưng lại có ít công ty thực hiện đủ mức để đạt tới thành công. Nhiều công cuộc đổi mới đã tiến hành nhưng thất bại vì các công ty đó đã không đưa vào cấu tạo của kế hoạch đổi mới hoặc chương trình đổi mới của họ một nhân tố khó nhất để thành công-con người.”

***Như mọi quốc gia khác trên thế giới, sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam cũng phải phụ thuộc vào nguồn lực con người và do nguồn lực này quyết định. Bởi vì:***

\_ Thứ nhất, các nguồn lực khác như vốn, tài nguyên thiên nhiên, vị trí địa lý... tự nó chỉ tồn tại dưới dạng tiềm năng. Chúng chỉ phát huy tác dụng và có ý nghĩa tích cực xã hội khi được kết hợp với nguồn lực con người thông qua hoạt động có ý thức của con người. Bởi lẽ, con người là nguồn lực duy nhất biết tư duy, có trí tuệ và có ý chí, biết “lợi dụng” các nguồn lực khác, gắn chúng kết lại với nhau, tạo thành một sức mạnh tổng hợp, cùng tác động vào quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Các nguồn lực khác là những khách thể chịu sự cải tạo, khai thác của con người, hết thảy chúng đều phục vụ cho nhu cầu, lợi ích của con người, nếu con người biết cách tác động và chi phối. Vì thế trong các yếu tố cấu thành lực lượng sản xuất, người lao động là yếu tố quan trọng nhất, là “lực lượng sản xuất hàng đầu của toàn nhân loại”.

Chẳng hạn như vốn cũng là một nguồn lực để tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhưng vốn chỉ trở thành nguồn lực quan trọng và cấp thiết của sự phát triển khi nó nằm trong tay những người biết sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả cao.

Tương tự như vậy, sự giàu có về tài nguyên thiên nhiên và những ưu thế về vị trí địa lý cũng sẽ mất ý nghĩa nếu chủ nhân của nó không có năng lực khai thác.

Ngày nay trước xu hướng quốc tế hoá đời sống kinh tế, sự hợp tác đầu tư nước ngoài cũng là nguồn lực quan trọng, nó tạo ra “cái hích” kinh tế, nhất là với các nước có điểm xuất phát thấp, nhưng sức mạnh của “cái hích” này đến đâu, tác động tích cực của nó như thế nào còn tùy thuộc vào yếu tố con người khi tiếp nhận nguồn lực đó.

Xét đến cùng nếu thiếu sự hiện diện của trí tuệ và lao động của con người thì mọi nguồn lực đều trở nên vô nghĩa thậm chí khái niệm “nguồn lực” cũng không còn lý do gì để tồn tại.

\_ Thứ hai, các nguồn lực khác là hữu hạn, có thể bị khai thác cạn kiệt, trong khi đó nguồn lực con người lại là vô tận. Nó không chỉ tái sinh và tự sản sinh về mặt sinh học mà còn tự đổi mới không ngừng, phát triển về chất trong con người xã hội, nếu biết chăm lo, bồi dưỡng và khai thác hợp lý. Đó là cơ sở làm cho năng lực nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người phát triển như một quá trình vô tận xét trên bình diện cộng đồng nhân loại. Nhờ vậy con người đã từng bước làm chủ tự nhiên, sáng tạo, khám phá ra nhiều nguồn tài nguyên mới, nhiều công cụ sản xuất có hiệu quả hơn, đưa xã hội chuyển qua các nền văn minh từ thấp đến cao.

\_ Thứ ba, trí tuệ con người có sức mạnh vô cùng to lớn một khi nó được vật thể hoá, trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Dự báo vĩ đại này của C.Mác đã và đang trở thành hiện thực. Sự phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng khoa học-kỹ thuật và công nghệ hiện đại đang dẫn nền kinh tế của các nước công nghiệp phát triển vận động đến nền kinh tế của trí tuệ. Giờ đây sức mạnh của trí tuệ đã đạt đến mức mà nhờ nó con người có thể sáng tạo ra những người máy “bắt chước” hay “phỏng theo” những đặc tính trí tuệ của chính con người. Rõ ràng là bằng những kỹ thuật công nghệ hiện đại do chính bàn tay khối óc con người làm ra mà ngày nay nhân loại đang chứng kiến những biến đổi thần kỳ trong lịch sử phát triển của mình.

\_ Thứ tư, kinh nghiệm của nhiều nước và thực tiễn của chính nước ta cho thấy sự thành công của công nghiệp hoá, hiện đại hoá phụ thuộc chủ yếu vào việc hoạch định đường lối, chính sách cũng như tổ chức thực hiện, nghĩa là phụ thuộc vào năng lực nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người. Đối với những nền kinh tế nông nghiệp chưa công nghiệp hoá thì mặt số lượng của nguồn nhân lực có tầm quan trọng đặc biệt vì nó qui định quy mô của thị trường. Nhưng khi tiến hành công nghiệp hoá thì mặt chất lượng, cơ cấu và cơ chế sử dụng nguồn nhân lực lại quan trọng hơn.

Cơ cấu lao động cần cho quá trình công nghiệp hoá phải bao gồm: các chính khách, các nhà hoạch định chính sách, các học giả, các nhà kinh doanh, các nhà kỹ thuật và công nghệ, các công nhân lành nghề... không có các chính khách, các học giả tài ba thì khó có thể có được những chiến lược, chính sách phát triển đúng đắn; không có các nhà kinh doanh lỗi lạc thì cũng sẽ không có người sử dụng một cách có hiệu quả các nguồn vốn, nhân lực, công nghệ. Sự thiếu vắng hay kém cỏi của một trong các bộ phận cấu thành nhân lực trên đây sẽ có hại cho quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Qua toàn bộ phân tích trên có thể kể luận rằng nguồn lực con người là nguồn lực có vai trò quyết định sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Do vậy, muốn công nghiệp hoá, hiện đại hoá thành công thì phải đổi mới cơ bản các chính sách đầu tư cho các ngành khoa học, văn hoá, giáo dục, y tế ở Việt Nam nhằm phát triển nguồn lực con người cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đây là nhiệm vụ lớn nhất và khó khăn nhất trong công cuộc đổi mới hiện nay.

### **III . CON NGƯỜI VIỆT NAM CÓ THỰC HIỆN ĐƯỢC VAI TRÒ ĐÓ KHÔNG? VÌ SAO?**

Có rất nhiều nước trên thế giới đã thực hiện thành công công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước với nguồn lực chủ đạo là con người. Vậy trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam hôm nay, Với những thế mạnh và những hạn chế của mình con người Việt Nam có thực hiện được vai trò của mình hay không?

Trước hết ta tìm hiểu xem nguồn nhân lực của Việt Nam có những đặc điểm gì để phát huy và những hạn chế gì cần phải khắc phục.

#### ***Những thế mạnh phải nói đến đó là:***

\_ Thứ nhất, ở Việt Nam hiện nay có lực lượng lao động dồi dào với 36,5 triệu người trong độ tuổi lao động, dự báo đến năm 2000 con số này sẽ là 45,6 triệu người.

\_ Thứ hai, Việt Nam có tỷ trọng tương đối cao về lao động trẻ, phần lớn có học vấn phổ thông, ngay cả ở nông thôn. Đây là một tiền đề quan trọng tạo điều kiện tiếp thu các kiến thức kỹ năng nghề nghiệp, kể cả những ngành nghề mới. Lực lượng lao động có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo tương đối lớn (so với các nước có thu nhập như

nước ta). Hiện tại nước ta có trên 9000 tiến sĩ và phó tiến sĩ, trên 800000 người có trình độ đại học cao đẳng, trên 2 triệu công nhân kỹ thuật. Đây là điều kiện quan trọng cho quá trình phát triển khoa học, tiếp thu, làm chủ và thích nghi với các công nghệ nhập từ nước ngoài, kể cả công nghệ cao.

\_ *Thứ ba*, chúng ta có một lượng tương đối lớn người Việt sống ở nước ngoài, tập trung chủ yếu ở châu Âu, châu Mỹ và Ôxtraylia; trong đó tỉ lệ người có trình độ cao về chuyên môn và nghiệp vụ là đáng kể (trên 300000 người). Đây là một nguồn lực quan trọng góp phần phát triển đất nước, là cầu nối giữa Việt Nam và thế giới về mặt chuyển giao tri thức, công nghệ và các quan hệ quốc tế.

\_ *Thứ tư*, đó là bản tính hiếu học, thông minh cần cù lao động của con người Việt Nam. Truyền thống đó cần được nuôi dưỡng và phát huy làm cơ sở cho việc nắm bắt, tiếp thu và vận dụng một cách nhanh chóng, sáng tạo những phát minh, sáng kiến khoa học của nhân loại phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Tính cộng đồng, ý thức trách nhiệm với cộng đồng được phát huy mạnh mẽ sẽ có thể hỗ trợ đắc lực không chỉ cho việc truyền bá tay nghề, kinh nghiệm nghề nghiệp mà còn có thể giúp nhau cả về vốn liếng, tạo dựng và phát triển cơ nghiệp, hỗ trợ nhau tìm kiếm công ăn việc làm, góp phần làm giảm sức ép về lao động hiện nay. Dân tộc Việt Nam còn có truyền thống biết chịu đựng gian khổ để tiết kiệm, tích lũy cho đầu tư mở rộng, tạo dựng cơ đồ cho mình và cho nền kinh tế nước nhà nói chung.

***Nhưng bên cạnh đó, nguồn nhân lực ở Việt Nam có những hạn chế, những điểm yếu kém sau đây:***

\_ *Thứ nhất*, số người lao động được đào tạo quá ít chỉ chiếm 5.5% dân số và 11% tổng số lao động. Mặt bằng dân trí còn thấp, số năm đi học của người dân từ 7 tuổi trở lên mới đạt 4,5 năm. Đáng lo ngại hơn là mặc dù chúng ta đã cố gắng để đạt được 88% dân số biết chữ nhưng hiện nay lại đang diễn ra quá trình tái mù chữ, nhất là các tỉnh miền núi (có xã số người mù chữ lên tới 70%); trong số trẻ em ở độ tuổi đi học chỉ có 45% em học hết cấp I. Số người được đào tạo có tay nghề cao cũng như người có học vấn đại học và sau đại học năm 1982 là 0,26% năm 1993 còn 0,2%. Tỉ lệ này ở các nước công nghiệp mới Đông nam á là 0,6 đến 0,8. Trong 75% lao động sản xuất nông nghiệp chỉ có 7% được đào tạo. Vì vậy năng suất lao động thấp, trong công nghiệp chỉ đạt 30% mức trung bình của thế giới, còn trong nông nghiệp một lao động của ta chỉ nuôi được 3 đến 5

người, trong khi chỉ số này ở các nước phát triển là 20 đến 30 người. Đây là trở ngại lớn nhất khi tiến hành công nghiệp hoá trong nông nghiệp trong kinh tế nông thôn nói riêng và trong cả nền kinh tế Việt Nam nói chung.

*\_Thứ hai, đội ngũ cán bộ khoa học trẻ quá ít. Qua điều tra ở 17 trường đại học*

thì số cán bộ giảng dạy dưới 35 tuổi chỉ có 8%. Phần lớn những tri thức có trình độ trên đại học đang là những chuyên gia đầu ngành đã ở độ tuổi 55 đến 60. Hơn 60% phó tiến sĩ và tiến sĩ, hơn 70% giáo sư và hơn 90% giáo sư đều ở độ tuổi này. Trong khi đó sinh viên giỏi sau khi tốt nghiệp đều không muốn ở lại trường. Vì vậy việc chuẩn bị cho đội ngũ trí thức kế cận sẽ gặp không ít khó khăn.

*\_Thứ ba, việc bố trí sử dụng cán bộ còn nhiều việc bất hợp lý giữa các vùng, các ngành: 80% cán bộ khoa học công nghệ làm việc tại Hà Nội, ở thành phố Hồ Chí Minh chỉ có 12%. Đa số các cán bộ khoa học của ta làm việc trong các viện nghiên cứu, các trường học, còn trong các ngành sản xuất vật chất thì rất ít. Chẳng hạn, trong các ngành nông lâm ngư nghiệp chỉ có 8,1% cán bộ có trình độ đại học và 6,49% cán bộ có trình độ sau đại học. Trong khi có tới 34% cán bộ có trình độ đại học và 55,47% trình độ sau đại học làm việc trong các ngành khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Nhìn vào một số nước trong khu vực, cán bộ khoa học làm việc trong các ngành sản xuất chiếm tỉ lệ rất cao như Thái Lan: 58%, Hàn Quốc: 48%, Nhật Bản: 64%. Chính việc phân bố lực lượng lao động không hợp lý này gây nên hiện tượng thừa thiếu giả tạo, gây ra nạn thất nghiệp đặc biệt trong lao động trí thức. Qua điều tra ở 55 trường đại học có khoảng 14 nghìn sinh viên ra trường chưa có việc làm. Chẳng hạn từ năm 1988 đến nay số sinh viên tốt nghiệp ở 19 trường đại học và cao đẳng khu vực Hà Nội chưa tìm được việc làm tăng dần từ 13,4% (năm 1988) lên 35,38% (năm 1992). Trong khi đó nhiều vùng, nhiều miền nhất là miền núi vùng sâu vùng xa lại thiếu cán bộ khoa học kỹ thuật. Nguyên nhân chủ yếu là một mặt do sinh viên ra trường muốn ở lại công tác tại các thành phố, khu công nghiệp, nơi kinh tế phát triển để có thu nhập cao hơn và điều kiện việc làm tốt hơn, mặt khác chúng ta chưa có chính sách thu hút để điều chỉnh sự phân bố này.*

*\_ Thứ tư, thể chất, sức khoẻ của thanh niên Việt Nam còn rất nhiều hạn chế. Sự phát triển về phương diện sinh lý và thể lực dường như chững lại “sau hơn 40 năm thanh niên nước ta không cao thêm 1cm nào và không*

cân nặng thêm 1kg nào”, mức duy dinh dưỡng ở trẻ em dưới năm tuổi là 51,5%.

\_ Thứ năm, người lao động nước ta nói chung chưa có nếp lao động công nghiệp, quen theo kiểu sản xuất nhỏ, lao động giản đơn còn gò bó trong nếp sống phương đông, cha truyền con nối. Chính vì thế mà cho tới tận thế kỷ 20 công cụ làm việc ở các bể lò rèn Bắc Ninh vẫn không khác bao nhiêu với công cụ đã rèn cày cuốc và vũ khí đánh giặc Ân thời Thánh Gióng, các cô gái Hà Đông vẫn dệt lụa trên các khung cửi mà cách đây 900 năm các cô gái triều Lý đã sử dụng.

Trên đây là những điểm trong nguồn lực con người ở Việt Nam với những thế mạnh cũng như các mặt hạn chế. Phải có những nỗ lực phi thường bằng hành động thực tiễn trong việc huy động và sử dụng nguồn lực này thì công nghiệp hoá hiện đại hoá mới có thể thành công. Đó cũng là lý do vì sao nhiều nhà khoa học kêu gọi phải tiến hành một cuộc “cách mạng con người” mà thực chất là cách mạng về chất lượng nguồn lao động. “Cách mạng con người” với công nghiệp hoá hiện đại hoá là hai mặt của một quá trình thống nhất, giữa chúng có mối quan hệ biện chứng với nhau. Bởi vậy, mỗi bước tiến lên của cuộc “cách mạng con người” sẽ đem lại những thành tựu to lớn cho quá trình công nghiệp hoá hiện đại hoá và ngược lại.

#### **IV. ĐỂ CON NGƯỜI VIỆT NAM THỰC HIỆN ĐƯỢC VAI TRÒ ĐÓNG CẦN CÓ NHỮNG CHÍNH SÁCH GÌ?**

***Thực chất căn bản của chủ nghĩa Mác về con người là sự phát triển tự do của mỗi con người là điều kiện cho sự phát triển tự do của mọi người.*** Xã hội loài người chỉ được phát triển khi phát triển tối đa từng cá nhân. Vấn đề phát triển cá nhân không còn là vấn đề lý thuyết mà là nhu cầu thiết yếu trong thực tiễn xã hội ta ngay từ hôm nay. Cụ thể để công nghiệp hoá hiện đại hoá cần phải tiến hành một cuộc “cách mạng con người” nhằm tạo ra một số lượng lớn các nhà khoa học một đội ngũ đông đảo các nhân viên kỹ thuật có trình độ tri thức tương đối cao và những người lao động lành nghề. Điều đó đòi hỏi sự nghiệp giáo dục bồi dưỡng nhân tài phải phát triển tương ứng.

Thử nhìn vào lịch sử kinh tế của một số nước tư bản phát triển, ta thấy nói chung những nước này đều rất coi trọng công tác giáo dục. Chẳng hạn thời kỳ đầu sau chiến tranh, kinh tế Nhật bản bị phá hoại nặng nề, tài chính quốc gia vô cùng nguy ngập nhưng chính phủ Nhật bản



không hề giảm chi phí giáo dục, tỷ trọng kinh phí giáo dục luôn chiếm 20% trở lên trong kinh phí hành chính của Nhật còn ở Mỹ năm 1985 chi tiêu nhà nước cho giáo dục chiếm 4,2% GDP và chiếm 12,8% chi tiêu của nhà nước. Thực tế đã chứng minh, ở Mỹ nếu đầu tư cho giáo dục 1\$ thì sẽ lãi 4\$, còn ở Nhật thì 1\$ sẽ lãi 10\$.

Thực ra không chỉ có các nước tư bản phát triển nhìn thấy vai trò của giáo dục trong phát triển kinh tế mà một số nước Đông nam á cũng đã nhận thức được vấn đề này. Và kết quả là sự ra đời của những nước công nghiệp mới ở châu á. Suốt 40 năm qua, các nước này đã đầu tư cho giáo dục ngày một tăng. Tỷ lệ chi tiêu cho giáo dục trong ngân sách nhà nước ở cộng hòa Triều Tiên năm 1972 là 13,9%, năm 1981 tăng 17,9%, năm 1983 tăng lên 21,6%. Trong 30 năm từ 1952 đến 1981 ở Đài Loan tổng giá trị sản phẩm quốc dân tăng 26,43 lần nhưng kinh phí giáo dục tăng hơn 90 lần. Hoặc như ở Singapore, hiện nay kinh phí giáo dục chiếm 4% giá trị GDP, mấy năm nữa sẽ lên đến khoảng 6% ngang với mức của các nước phát triển phương Tây. Những con số, ở một mức độ nào đó tự nó đã giải thích rằng không phải ngẫu nhiên mà trong một thời gian dài một loạt các nước quanh ta đã vươn lên trở thành “ những con rồng châu á”.

***Đó là do kinh nghiệm của các nước đi trước, còn ở Việt Nam thì sao?***

Trong nhiều năm qua, nhà nước ta đã chú ý phát triển nguồn lực con người bằng những chính sách, biện pháp kịp thời, khá hợp lý tuy không tránh khỏi một số hạn chế do điều kiện kinh tế hạn hẹp.

Thử đi sâu vào một trong những chính sách đó- chính sách phát triển giáo dục -đào tạo; từ đó rút ra nhận xét, tìm ra bước đi tiếp theo để hoàn thành cuộc “ cách mạng con người” ở Việt Nam. Có thể khái quát tình hình giáo dục ở Việt Nam như sau:

\_ Quy mô giáo dục không ngừng được tăng lên, liên tục phát triển ở các ngành học và cấp học. Chẳng hạn, quy mô đào tạo sinh viên đại học và cao đẳng có nhiều biến động lớn. Hình thức đào tạo cao học của ta rất phong phú: chính quy tập trung, tại chức và ngắn hạn...Tỷ lệ sinh viên đại học, cao đẳng trong độ tuổi đi học của Việt Nam là 2,3\_2,5%, cao hơn mức 2% của Trung Quốc nhưng thấp hơn so với mức 16% của Thái Lan, 40% của Hàn Quốc.

\_ Hệ thống giáo dục được mở rộng: số trường học tăng nhanh, mỗi làng xã có ít nhất một trường tiểu học hoặc trung học cơ sở. Số trường phổ

thông trong cả nước liên tục tăng từ năm 1991-1992 đến năm 1994-1995 là 16%. Trước tình hình phải tăng số lượng người có trình độ chuyên môn cao, nhà nước chủ trương phát triển hệ thống đào tạo đại học và cao đẳng. Tính đến năm 1994, Việt Nam đã có 109 trường đại học, cao đẳng và đào tạo hơn 200 ngành học. Tuy nhiên so với tiêu chuẩn quốc tế thì hầu hết các trường đại học của Việt Nam còn nhỏ bé.

\_ Trong chính sách phát triển giáo dục và đào tạo, hình thức giáo dục tại chức được nhà nước quan tâm chú ý đặc biệt. Hiện nay đã có khoảng 200 trung tâm đào tạo nghề theo các chương trình ngắn hạn và dài hạn, nhưng hàng năm mới chỉ đáp ứng được 15% nhu cầu của người học.

\_ Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo cũng được phát triển. Tính đến cuối năm 1994, đã có 1900 sinh viên, 394 sinh viên cao học, 715 nghiên cứu sinh, 298 thực tập sinh đang học tập nghiên cứu tại 25 nước trên thế giới. Để có vốn đầu tư phát triển giáo dục Việt Nam đã kêu gọi các tổ chức quốc tế tài trợ và cho vay vốn. Trong chu kỳ 1991-1995, UNICEF đã hỗ trợ 10 triệu USD để nâng cấp các nhà trẻ, mở thêm các trung tâm dạy nghề. Chính phủ Việt Nam đã vay của Nhật Bản từ nguồn ODA thời kỳ 1993-1995 là 1431,02 triệu yên, của ngân hàng thế giới 70 triệu USD để nâng cấp và cải tạo một số trường học lụp xụp. Ngoài ra ngân hàng thế giới còn cam kết cho Việt Nam vay 60 triệu USD thời kỳ 1995-1998 để đầu tư phát triển trường ĐH Quốc gia HN và ĐH Quốc gia thành phố HCM. Có thể nói hợp tác trong lĩnh vực khoa học và giáo dục là tiền đề nâng đỡ Việt Nam vượt qua những khó khăn về vốn, khắc phục các mặt yếu kém về chương trình, về công nghệ giáo dục, tăng cường sự hiểu biết giữa Việt Nam và các nước trong khu vực.

\_ Từ năm 1990, ngân sách giáo dục của Việt Nam đã ở mức 10-11% tổng ngân sách hàng năm của nhà nước. So với những năm trước đây, ngân sách này đã tăng nhưng cũng mới chỉ đáp ứng được 50% yêu cầu của ngành giáo dục. Giá trị thực tế bình quân đầu người về ngân sách giáo dục của Việt Nam vào khoảng 7,7 USD chỉ bằng 1/29 của Hàn Quốc, 1/22 của Malaixia và 1/8 của Thái Lan.

Tuy nhiên so với các nước có thu nhập bình quân đầu người thấp như Việt Nam thì nền giáo dục Việt Nam vẫn được xếp vào loại khá.

Mặc dù vậy sự nghiệp giáo dục ở Việt Nam còn bộc lộ một số mặt yếu kém như:

\_ Mô hình giáo dục - đào tạo đa ngành và chuyên môn hẹp đã không thích nghi kịp xu thế đổi mới, không phản ứng nhạy bén trước yêu cầu của nền kinh tế thị trường, đào tạo ngành nghề không tương xứng với đòi hỏi khẩn

khe của thi trường lao động. Nhiều năm xảy ra sự mất cân đối giữa đào tạo và sử dụng...

\_ Cùng với nó là cơ cấu đào tạo không hợp lý giữa đào tạo đại học và đào tạo nghề. Có dự báo cho rằng tương lai Việt Nam sẽ thiếu các nhà toán học, vật lý học và các nhà khoa học khác. Lực lượng nghiên cứu cơ bản thiếu sẽ ngăn cản khả năng tiếp thu công nghệ và tri thức mới.

\_ Chất lượng giáo dục cũng là vấn đề đáng phải quan tâm. Trước hết cần khẳng định, bộ phận học sinh giỏi của Việt Nam không thua kém các nước khác. Điều đó được chứng minh qua các kỳ thi OLEMPIC Quốc tế về toán học, tin học, vật lý học... Nhưng những năm gần đây chất lượng giáo dục ở nhiều cấp bị giảm sút, theo số liệu của Bộ giáo dục và đào tạo cứ 1000 học sinh năm học 1986-1987 thì chỉ có 500 em tốt nghiệp tiểu học. Chủ yếu là do học sinh bỏ học và lưu ban. Nguyên nhân là do đời sống của đông đảo đội ngũ giáo viên thấp dẫn đến tình trạng bỏ dạy, chân trong chân ngoài, những học sinh giỏi không thích nghi vào sư phạm. Theo đánh giá của Bộ GD và ĐT, thì giáo viên không đủ tiêu chuẩn ở mức 60-70% cũng theo thống kê của bộ thì chỉ có 10% giáo viên có mức sống tương đối khá, 60% có mức sống trung bình, 30% có mức sống thấp. Ngoài ra, chất lượng giáo dục giảm sút còn do tình trạng thiết bị học tập nghèo nàn, thiếu thốn, công nghệ lạc hậu.

Có thể nói giáo dục và đào tạo ở Việt Nam đang đứng trước những thách thức lớn lao, trước yêu cầu đổi mới kinh tế-xã hội, trước yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, trước sức ép về nguy cơ tụt hậu so với các nước trong khu vực. Trong 20 năm tới, giáo dục Việt Nam phải thực hiện được các mục tiêu sơ bản là nâng cao mặt bằng dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài theo hướng khắc phục những hạn chế trong thời gian qua, trên cơ sở nỗ lực của bản thân và kinh nghiệm, cùng sự giúp đỡ của các nước phát triển.

Muốn vậy nhà nước phải có các chính sách, biện pháp phù hợp như:

\_ Tăng ngân sách giáo dục và đào tạo, sử dụng ngân sách đó một cách có hiệu quả. Kể từ năm 1996, mỗi năm ngân sách giáo dục phải tăng 1% để đạt được mức trung bình của khu vực vào năm 2005.

\_ Đồng thời, nhà nước phải chăm lo đến đời sống của đội ngũ giáo viên, cải thiện chế độ tiền lương, tăng phụ cấp cho giáo viên để giáo viên có thể nâng cao vị trí xã hội của mình.

\_ Mặt khác, phải chú ý đào tạo các ngành kỹ thuật, công nghệ nhiều hơn cả về chiều rộng lẫn chiều sâu.

\_ Nâng cao chất lượng của các bậc tiểu học, làm tiền đề vững chắc cho chất lượng của các cấp học tiếp sau.

Những phân tích trên đây mới chỉ đề cập đến phát triển giáo dục và đào tạo - một yếu tố một cơ sở để con người Việt Nam có thể thực hiện vai trò của mình.

Vì vậy tồn tại song song với phát triển giáo dục, nhà nước ta còn phải thực hiện những nhiệm vụ cấp bách sau đây:

\_ *Một là*, căn cứ vào yêu cầu phát triển của các ngành và các vùng lãnh thổ, cần tổ chức bố trí lại lực lượng lao động một cách hợp lý trên phạm vi cả nước theo hướng đổi mới công nghệ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo ra những ngành kinh tế mũi nhọn.

\_ *Hai là*, cần trả lương đúng và đủ cho người lao động, trong đó chú ý đến đội ngũ cán bộ khoa học. Cần nhấn mạnh rằng, bản thân tiền lương không đơn giản chỉ là việc trả công, mà nó còn tái sản xuất ra sức lao động ( nhiều hay ít), kích thích những phẩm chất (tích cực hay tiêu cực) của người lao động.

\_ *Ba là*, tiến hành đào tạo bồi dưỡng lại lực lượng lao động hiện có và đào tạo lực lượng mới theo chuyên ngành nhất định. Trong đó, bảo đảm sự cân đối và đồng bộ giữa lao động phổ thông, lao động kỹ thuật và lao động khoa học.

\_ *Bốn là*, tiến hành một cách thường xuyên đồng bộ hoạt động giáo dục đối với người lao động về các mặt: chính trị-tư tưởng, lợi ích, ý thức pháp luật, trách nhiệm công dân, truyền thống. Trong điều kiện hiện nay, chỉ quan tâm đến lợi ích vật chất mà không thực hiện công tác giáo dục thì sẽ dẫn đến sai lầm, tại hại, làm hư hỏng con người, thậm chí cả một thế hệ người. C.Mác đã từng nhắc nhở chúng ta, trong phát triển kinh tế phải gắn “sự nghiệp giải phóng con người với cuộc đấu tranh chống lại biểu hiện thực tiễn cực đoan của sự tha hóa con người”<sup>(7)</sup>. Không nghi ngờ gì rằng, mặt trái của nền kinh tế thị trường đã và đang tác động đến từng cá nhân, từng gia đình và mỗi tập thể của chúng ta. Trong xã hội hiện nay, có tình trạng một số người có kinh tế khá, thậm chí là giàu có nhưng vẫn tham ô, móc ngoặc, ăn cắp, buôn lậu. Trái lại, một số người nghèo, thậm chí rất nghèo nhưng không chịu lao động chân chính, chuyên dùng thủ đoạn lừa bịp, ăn cắp... Bên cạnh đó, còn một lớp người (thường là trẻ tuổi) không chịu học hành, làm việc, chỉ lo ăn chơi và từ đây dẫn đến tội phạm.

\_ Năm là, phải nâng cao thể lực cho thanh niên. Mặc dù đây là một vấn đề đòi hỏi phải có thời gian để giải quyết trên cơ sở nâng cao dần mức sống của nhân dân về vật chất cũng như về tinh thần. Trước mắt, cần tập trung giải quyết cho được các mục tiêu của chương trình chăm sóc, bảo vệ trẻ em đến năm 2000, nhất là các mục tiêu giảm đáng kể tỷ lệ suy dinh dưỡng; đầu tư nâng cao chất lượng của chương trình giáo dục thể chất và y tế học đường; đẩy mạnh phong trào rèn luyện thân thể trong thanh thiếu niên, tạo điều kiện cho Đoàn thanh niên duy trì phong trào “khỏe vì ngày mai lập nghiệp”, “khỏe để bảo vệ Tổ quốc”.

Thực hiện những nhiệm vụ trên đây có nghĩa là về cơ bản nhà nước ta đã hoàn thành cuộc “cách mạng con người”, biến con người Việt Nam thành nguồn lực quyết định đưa sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đi đến thành công.

## KẾT LUẬN

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã, đang và sẽ là xu hướng phát triển chung của tất cả các quốc gia trên thế giới. Đó cũng là con đường phát triển tất yếu của nước ta để đi tới mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh” công nghiệp hoá, hiện đại hoá không chỉ là công cuộc xây dựng kinh tế mà chính là quá trình biến đổi, cách mạng sâu sắc mọi lĩnh vực của đời sống xã hội (kinh tế, chính trị, văn hoá, khoa học và con người), làm cho xã hội phát triển lên một trạng thái mới về chất. Nhưng cơ sở, động lực của công nghiệp hoá, hiện đại hoá là gì? Theo các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin, con người vừa là điểm khởi đầu vừa là điểm kết thúc, đồng thời vừa là trung tâm của mọi biến đổi lịch sử. Nói cách khác, con người là chủ thể chân chính của các quá trình xã hội. Trong xã hội hiện đại ngày nay, chủ thể của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá vẫn chính là con người. Chính vì vậy, quá trình này đòi hỏi phải có nguồn nhân lực đủ về số lượng, mạnh về chất lượng. Nói cách khác, nguồn nhân lực phải trở thành động lực thật sự của sự phát triển.

Quan điểm phát triển nguồn nhân lực đã được nhiều quốc gia quan tâm và đặc biệt đang nổi lên ở khu vực Đông á. Xuất phát là những nước nghèo, chỉ có thể rút ngắn thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và đạt được tốc độ tăng trưởng cao, bền vững trong trường hợp đầu tư phát triển đủ mạnh nguồn nhân lực. Sự đầu tư ấy được hiểu cả ba mặt: chăm sóc sức khoẻ, nâng cao mức sống và phát triển giáo dục, trong đó đầu tư có hiệu quả nhất là đầu tư cho giáo dục. Khi nghiên cứu quan hệ giữa GDP và các yếu tố của nguồn nhân lực, người ta thấy sự phát triển của nguồn nhân lực càng sớm thì tốc độ tăng trưởng kinh tế càng cao. Thực tế đã chứng minh, do phát triển nguồn nhân lực mà Hàn Quốc đã mau chóng trở thành nước công nghiệp, có sự hội nhập thần kỳ ở khu vực Đông á và trở thành một điểm sáng bên Nhật Bản siêu cường.

Đồng thời, xuất phát từ tư tưởng của C.Mác về sự phát triển vì con người, vì sự nghiệp giải phóng của con người, giải phóng nhân loại, chúng ta có thể khẳng định rằng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên thế giới nói chung và đặc biệt là ở nước ta hiện nay chính là một cuộc cách mạng- cách mạng con người. Trong “Tư bản”, C.Mác đã khẳng định: “để sản xuất ra những con người toàn diện” cần phải có một nền kinh tế phát triển, một nền văn hoá mới, một nền khoa học kỹ thuật hiện đại, một nền giáo dục tiên tiến. Và ông coi tạo ra những thành tựu kinh tế

xã hội đó “không phải chỉ là một phương pháp để làm tăng thêm nền sản xuất xã hội, mà còn là một phương pháp duy nhất để sản xuất ra những con người phát triển toàn diện” <sup>(8)</sup> - những chủ nhân thực sự của một xã hội vì con người. Như vậy công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải vì mục tiêu phát triển con người. Chỉ có như vậy, công nghiệp hoá, hiện đại hoá mới trở thành sự nghiệp cách mạng của quần chúng.

Qua toàn bộ phân tích trên, có thể khẳng định rằng, bước sang thời kỳ phát triển mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng XHCN chúng ta phải lấy việc phát huy nguồn lực con người Việt Nam hiện đại làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững, phải gắn tăng trưởng kinh tế với cải thiện đời sống nhân dân, phát triển văn hoá, giáo dục, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Đồng thời công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải là vì sự phát triển con người Việt Nam toàn diện, con người phải được coi là giá trị tối cao và là mục đích của sự nghiệp đầy khó khăn, phức tạp nhưng tất yếu này.

-----

**Chú thích:**

- (1) C.Mac-F.Anghen tuyển tập, tập VI-NXB Sự thật Hà Nội- 1981, trang 409.
- (2) C.Mac-F.Anghen tuyển tập, tập I- NXB Sự thật Hà Nội- 1981, trang 268.
- (3) Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện hội nghị lần thứ tư. Ban chấp hành TW khoá VII, trang 5.
- (4) C.Mac-F.Anghen tuyển tập, tập I. NXB Sự thật Hà Nội- 1981, trang 13,14.
- (5) C.Mac-F.Anghen tuyển tập, tập VI. NXB Sự thật Hà Nội- 1981, trang 257.
- (6) C.Mac-F.Anghen toàn tập, tập 26, phần II. NXB Chính trị Quốc gia Hà nội- 1995, trang 168.
- (7) C.Mac-F.Anghen toàn tập, tập 1. NXB Chính trị Quốc gia Hà nội- 1995, trang 561.
- (8) C.Mac-F.Anghen toàn tập, tập 23. NXB Chính trị Quốc gia Hà nội- 1995, trang 688.



# TRIẾT HỌC

## MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	2
Chương I	5
Chương II	8
Kết luận	19
Chú thích	20

-----

## DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Đình Toàn- Phát huy yếu tố con người trong lực lượng sản xuất  
tạp chí triết học số 1  
(3/1993).
- Hồ Anh Dũng- Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại...  
tạp chí triết học số 1  
(3/1993).
- Nguyễn Thế Nghĩa- Nguồn nhân lực...CNH, HĐH đất nước  
tạp chí triết học số 1  
(2/1996).
- Nguyễn Thanh- Mục tiêu con người trong sự nghiệp CNH, HĐH...  
tạp chí triết học số 5  
(10/1996).
- Đặng Hữu Toàn- Phát triển vì con người trong quan niệm của Mác và...  
tạp chí triết học số 1 (2/1997).
- Trần Hữu Tiến- Vấn đề con người, cá nhân, xã hội trong học thuyết của Mác  
tạp chí cộng sản 1/1994.
- Võ Đại Lược- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá Việt Nam đầu năm 2000.
- Phạm Khiêm ích, Nguyễn Đình Phan- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam và các nước trong khu vực.